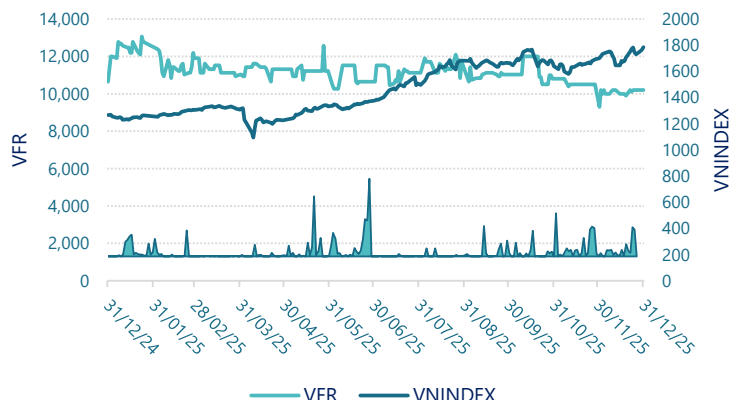




CTCP Vận tải và Thuê tàu (UPCOM: VFR)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	10,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	13,065
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,300
SL cổ phiếu LH	15,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,715
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	153
P/E	6.9
EPS	1,483

DT thuần

Q4/25

33.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.60 | 8.5%

YoY: ▲ 7.80 | 30.4%

LN sau thuế

Q4/25

8.43

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.51 | 71.3%

YoY: ▲ 6.94 | 466%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

24.2%

+/- YoY: ▼ 29.5%

DT thuần

2025

122

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 26.3 | 27.6%

LN sau thuế

2025

22.4

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 3.50 | -13.9%

ROE

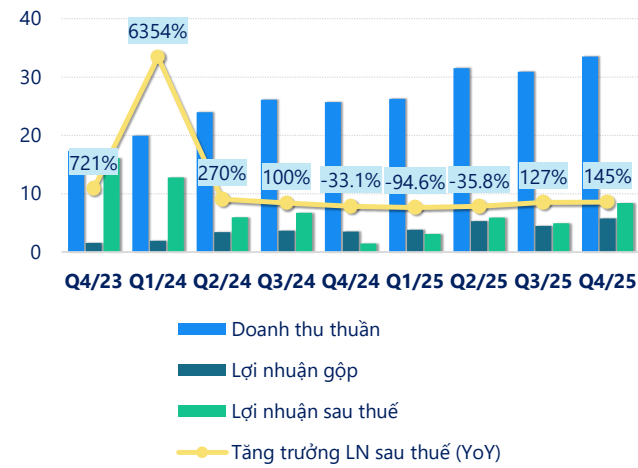
2025

7.0%

+/- YoY: ▼ 1.6%

tỷ VNĐ

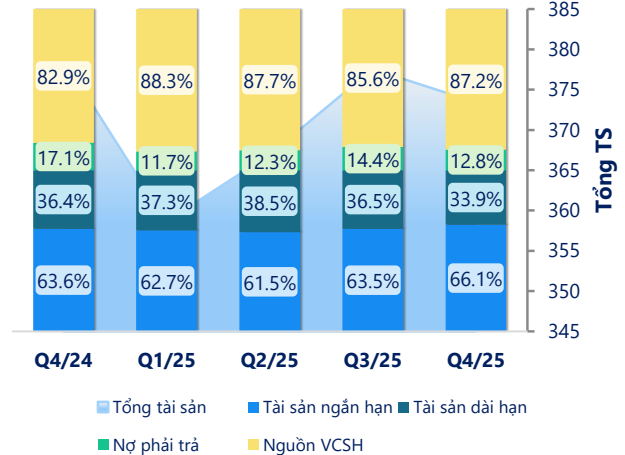
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

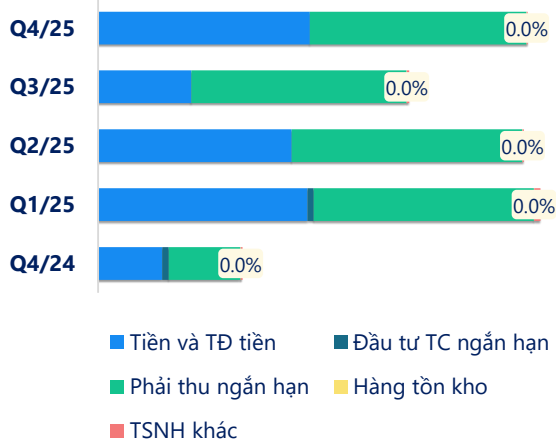
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



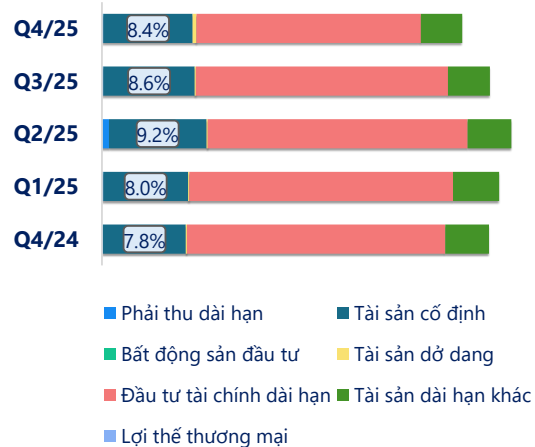
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

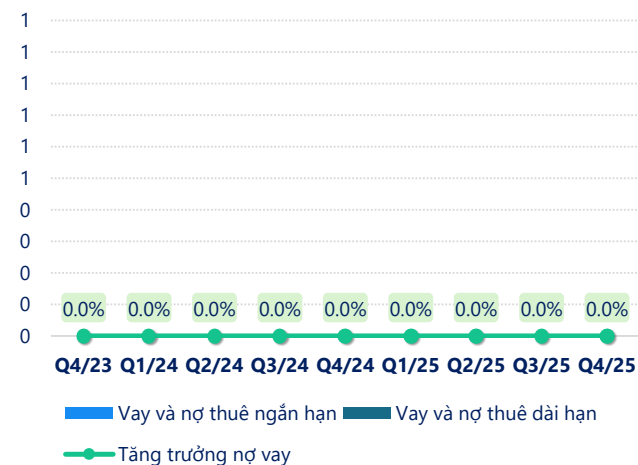
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

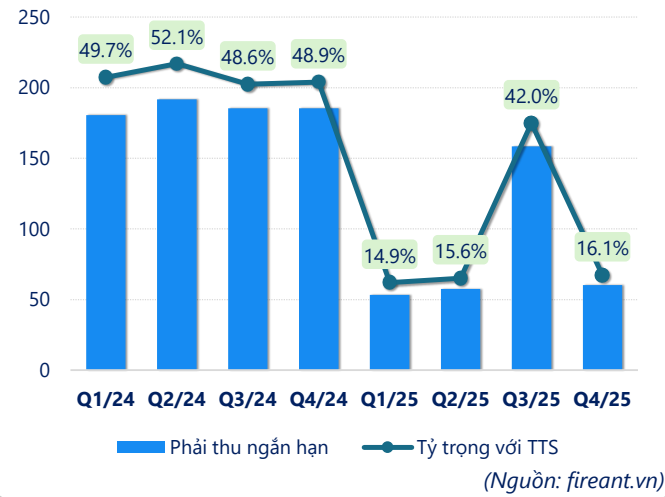
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

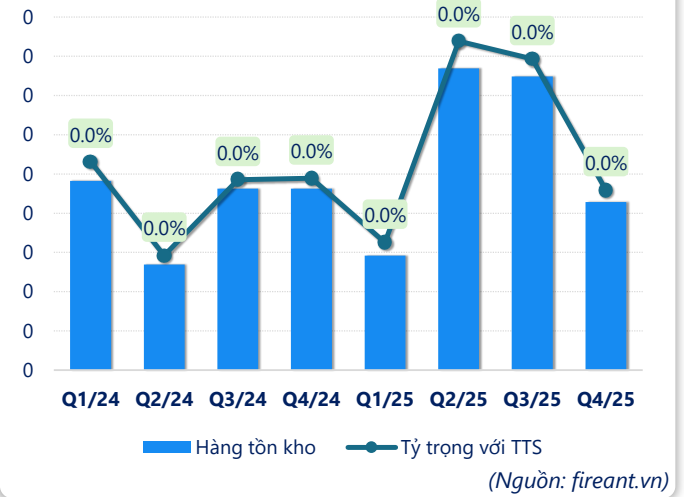


(Nguồn: fireant.vn)

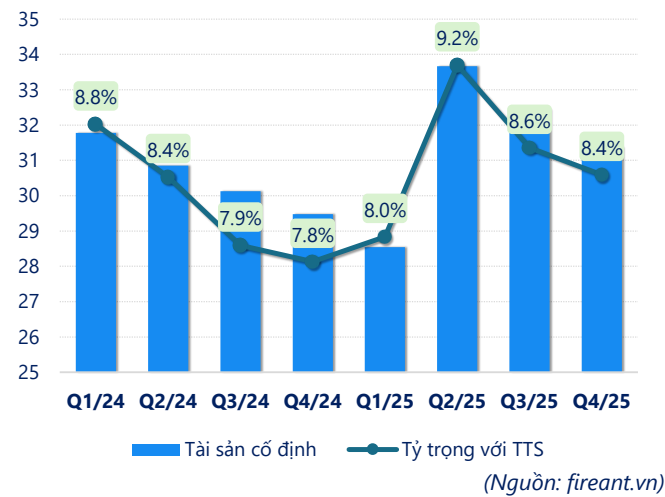
tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


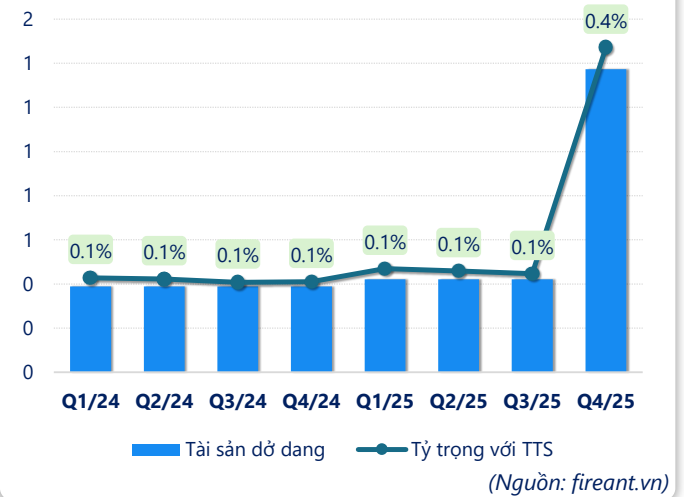
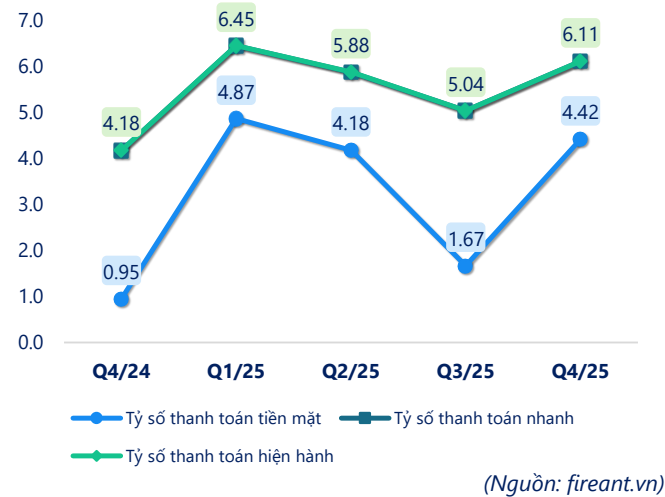
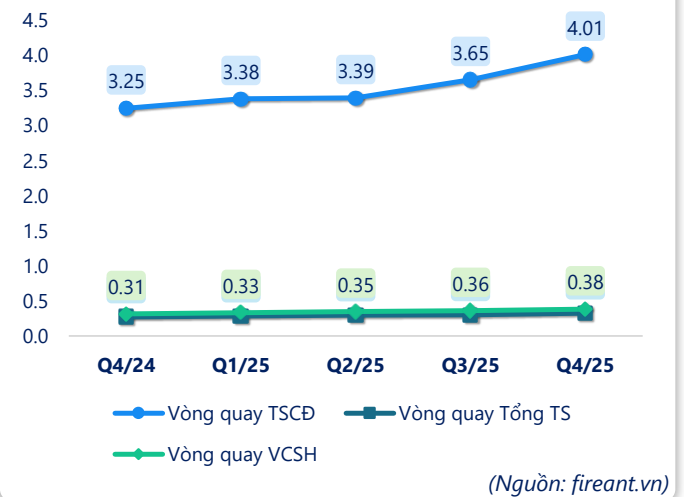
tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


tỷ VNĐ

Tài sản cố định


tỷ VNĐ

Tài sản dở dang

Chỉ số thanh khoản

Vòng quay tài sản


CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	379	359	367	378	373
Tài sản ngắn hạn	241	225	226	240	247
Tiền và tương đương tiền	54.8	170	160	79.5	178
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	7.00	0	7.00
Phải thu ngắn hạn	185	53.3	57.4	158	60.3
Hàng tồn kho	0.09	0.06	0.15	0.15	0.09
Tài sản ngắn hạn khác	0.76	1.84	0.82	1.70	1.15
Tài sản dài hạn	138	134	141	138	127
Phải thu dài hạn	0.42	0.48	2.39	0.50	0.50
Tài sản cố định	29.5	28.5	33.7	32.4	31.4
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.39	0.42	0.42	0.42	1.37
Đầu tư tài chính dài hạn	92.0	88.9	89.7	89.5	78.8
Tài sản dài hạn khác	15.5	15.6	15.1	14.9	14.5
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	64.6	41.9	45.3	54.4	47.8
Nợ ngắn hạn	57.7	34.8	38.4	47.6	40.4
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	7.11	8.79	9.08	9.09	7.23
Nợ dài hạn	6.89	7.04	6.89	6.79	7.39
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	314	317	322	323	326
Vốn chủ sở hữu	314	317	322	323	326
Vốn điều lệ	150	150	150	150	150
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)